

Bản án số: 247/2023/DS-ST
Ngày 29/9/2023
V/v “*Tranh chấp về hợp đồng
dân sự vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Chuyên

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thanh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

- Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Phụng là thư ký Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng tham gia phiên toà: Không tham gia.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2023/TLST - DS, ngày 10 tháng 7 năm 2023 về tranh chấp “*Hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 330/2023/QĐXX - ST, ngày 18 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần S; địa chỉ: Số B N, phường V, quận C Thành phố Hồ Chí Minh

- *Người đại diện theo pháp luật:* Bà Nguyễn Đức Thạch D – Chức vụ: Tổng giám đốc (vắng mặt).

- *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Trần Thanh T-Trưởng phòng giao dịch Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh huyện G - theo văn bản ủy quyền số 3272/2022/UQ-CNHG, ngày 26/12/2022 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà Trương Mỹ O; sinh năm: 1981; địa chỉ: ấp N, xã N, huyện G, tỉnh K (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/6/2023 và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng TMCP S trình bày:

Vào ngày 21/01/2016 bà Trương Mỹ O có ký với Ngân hàng thương mại cổ phần S - Chi nhánh K - Phòng giao dịch huyện G, hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng). Căn cứ vào thu nhập của bà O, Ngân hàng đã cấp thẻ tín dụng hạn mức 15.000.000 đồng; lãi suất hai bên thỏa thuận là 2.766%/tháng, lãi phạt chậm trả 4.149%/tháng. Sau khi cấp thẻ bà O đã thực hiện các giao dịch từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/01/2019 với số tiền 31.126.935 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà O đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 48.468.820 đồng (trong đó 19.563.428 đồng vào dư nợ gốc và 28.905.392 đồng tiền lãi và phí). Qua nhiều lần thông báo nhắc nhở nhưng bà O không trả nợ cho Ngân hàng. Bà O đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 01/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Tính đến ngày 29/9/2023 thì bà O còn nợ của Ngân hàng số tiền gốc lãi cụ thể như sau: Tiền gốc 11.563.507 đồng, tiền lãi 3.406.296 đồng. Tổng cộng 14.969.803 đồng, ngân hàng yêu cầu bà O trả số tiền gốc và lãi nêu trên. Đồng thời, yêu cầu bà O phải trả tiền lãi phát sinh sau ngày 29/9/2023 cho đến khi trả dứt nợ theo lãi suất quy định trong hợp đồng.

Bị đơn bà Trương Mỹ O đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

{1} Ngân hàng thương mại cổ phần S(TMCP) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trương Mỹ O phải thanh toán nợ theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng đã ký kết, bà O vay với mục đích tiêu dùng nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp “Hợp đồng dân sự vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

{2}. Về sự có mặt của đương sự: Bà Trương Mỹ O là bị đơn đã được Tòa án tổng đạt tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, việc vắng mặt của bà O không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án nên áp dụng điểm b khoản 2 điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xử vắng mặt đối với bà O.

[2] Về nội dung:

{2.1} Vào ngày 21/01/2016 giữa Ngân hàng thương mại cổ phần S đã ký kết với bà Trương Mỹ O giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng. Như vậy, hợp đồng vay tín dụng và giấy cấp thẻ tín dụng mà các đương sự đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015. Do đó, các bên phải có nghĩa vụ thực hiện đúng hợp đồng đã ký kết.

{2.2} Xét giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng, bản điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng của Ngân hàng đối với bà Trương Mỹ O, hạn mức sử dụng thẻ là 15.000.000 đồng. Quá trình sử dụng thẻ bà O đã thực hiện các giao dịch từ ngày 29/02/2016 đến ngày 31/01/2019 với số tiền 31.126.935 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay bà O đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 48.468.820 đồng (trong đó 19.563.428 đồng vào dư nợ gốc và 28.905.392 đồng tiền lãi và phí). Ngân hàng đã nhiều lần ra thông báo nhắc nhở nhưng bà O không trả nợ cho Ngân hàng. Do bà O vi phạm nghĩa vụ thanh toán, ngày 01/3/2023 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn. Số tiền gốc của bà O còn thiếu của Ngân hàng tính đến ngày 28/2/2023 là: 11.563.507 đồng. Bà O không thanh toán nợ cho Ngân hàng theo hợp đồng đã ký kết nên Ngân hàng khởi kiện đối với bà O là hoàn toàn có căn cứ phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 11 của Bộ luật dân sự năm 2015.

{2.3} Về mức lãi suất: Do các bên thỏa thuận về mức lãi suất và ký kết với nhau cụ thể tiền lãi tính từ ngày 29/2/2023 cho đến ngày xét xử 29/9/2023 là 3.406.296 đồng.

Xử buộc bà Trương Mỹ O phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2023 là: 14.969.803 đồng (trong đó: tiền gốc 11.563.507 đồng, tiền lãi 3.406.296 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trương Mỹ O còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

[3] Về án phí:

Áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Yêu cầu của Ngân hàng TMCP S được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Bà Trương Mỹ O phải chịu án phí dân sự giá ngạch là: 14.969.803 đồng x 5% = 748.490 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 4 Điều 11, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP S đối với bà Trương Mỹ O.

2. Buộc bà Trương Mỹ O phải trả cho Ngân hàng TMCP S số tiền gốc và lãi tính đến ngày 29/9/2023 là 14.969.803 đồng (mười bốn triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm linh ba đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Trương Mỹ O còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

3. Về án phí:

Yêu cầu của Ngân hàng S được Tòa án chấp nhận nên Ngân hàng không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng là 330.000 đồng (ba trăm ba mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 8313 ngày 07/07/2023 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà Trương Mỹ O phải chịu án phí dân sự giá ngạch là: 748.490 đồng (bảy trăm bốn mươi tám nghìn bốn trăm chín mươi đồng).

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày. Ngân hàng S được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày (29/9/2023); bà Trương Mỹ O được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết của Tòa án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh
- VKSND huyện
- Thi hành án huyện
- UBND xã, thị
- Các đương sự
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Chuyên